

**PHỤ BIỂU 01**

**CHI TIẾT NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, NGUỒN THU PHÍ ĐƯỢC ĐỂ LẠI CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM  
ĐẦU THỜI KỲ ỔN ĐỊNH CHO ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP**

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Stt      | Tên đơn vị sự nghiệp/phân loại đơn vị sự nghiệp          | Số lượng đơn vị | Tổng cộng<br>(2=3+4+5+6) | Kinh phí ngân sách nhà nước cấp hoặc hỗ trợ 1 phần chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định | Kinh phí ngân sách nhà nước đặt hàng giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước | Nguồn thu phí được để lại chi thường xuyên | Nguồn thu dịch vụ sự nghiệp | Ghi chú  |
|----------|----------------------------------------------------------|-----------------|--------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|-----------------------------|----------|
| <i>A</i> | <i>B</i>                                                 | <i>1</i>        | <i>2</i>                 | <i>3</i>                                                                                    | <i>4</i>                                                                                                      | <i>5</i>                                   | <i>6</i>                    | <i>7</i> |
| <b>I</b> | <b>Đơn vị sự nghiệp do NSNN đảm bảo chi thường xuyên</b> | <b>9</b>        | <b>70.387</b>            | <b>70.344</b>                                                                               | <b>-</b>                                                                                                      | <b>43</b>                                  | <b>-</b>                    |          |
| <b>*</b> | <b><i>Cấp Tiểu học</i></b>                               | <b>4</b>        | <b>32.228</b>            | <b>32.228</b>                                                                               | <b>-</b>                                                                                                      | <b>-</b>                                   | <b>-</b>                    |          |
| 1        | Trường PTDTBT TH Lùng Khẩu Nhin                          | 1               | 8.414                    | 8.414                                                                                       |                                                                                                               |                                            |                             |          |
| 2        | Trường Tiểu học Pha Long                                 | 1               | 9.416                    | 9.416                                                                                       |                                                                                                               |                                            |                             |          |
| 3        | Trường Tiểu học số 2 thị trấn Mường Khương               | 1               | 6.762                    | 6.762                                                                                       |                                                                                                               |                                            |                             |          |
| 4        | Trường PTDTBT TH Thanh Bình                              | 1               | 7.636                    | 7.636                                                                                       |                                                                                                               |                                            |                             |          |
| <b>*</b> | <b><i>Cấp THCS</i></b>                                   | <b>2</b>        | <b>11.540</b>            | <b>11.529</b>                                                                               | <b>-</b>                                                                                                      | <b>11</b>                                  | <b>-</b>                    |          |
| 1        | Trường PTDTBT THCS Lùng Khẩu Nhin                        | 1               | 5.513                    | 5.502                                                                                       |                                                                                                               | 11                                         |                             |          |
| 2        | Trường Trung học cơ sở Tả Ngải Chồ                       | 1               | 6.027                    | 6.027                                                                                       |                                                                                                               |                                            |                             |          |
| <b>*</b> | <b><i>Trường liên cấp</i></b>                            | <b>3</b>        | <b>26.619</b>            | <b>26.587</b>                                                                               | <b>-</b>                                                                                                      | <b>32</b>                                  | <b>-</b>                    |          |
| 1        | Trường PTDTBT TH&THCS Dìn Chín                           | 1               | 10.668                   | 10.668                                                                                      |                                                                                                               |                                            |                             |          |
| 2        | Trường TH&THCS Chợ Chậu                                  | 1               | 6.106                    | 6.074                                                                                       |                                                                                                               | 32                                         |                             |          |
| 3        | Trường PTDTBT TH&THCS Lồ Sủ Thàng                        | 1               | 9.845                    | 9.845                                                                                       |                                                                                                               |                                            |                             |          |